TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31- 8-2021
V/v: Ly hôn, con chung giữa chị T và anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ P toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Côn– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 2, xã O, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Tổ A, thị trấn B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại số 2, Trại giam số 5 – Cục C10 Bộ Công an; địa chỉ: Thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt có đun xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19-7-2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P đăng ký kết hôn với nhau ngày 11-11-2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian đầu chung sống ở nhà mẹ đẻ chị T tại Hà Nội. Đến tháng 5/2012 thì chị T chuyển về quê anh P ở thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu để chuẩn bị sinh con. Trong thời gian sống cùng gia đình bên nội, anh P thường không quan tâm đến vợ con và đi làm cũng không liên lạc về cho gia đình. Mặt khác, vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, nên cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, Đến tháng 7/2013, chị T đưa con về quê ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay anh P đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam số 5 – Cục C10 Bộ Công an tại thị trấn Thống Nhất,huyện Yên Định, Thanh Hóa. Chị T nhận thấy giữa chị và anh P không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng mà giải quyết theo quy định của pháp luật. Nay chị T xét thấy tình cảm đối với anh P không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Thị P, sinh ngày 18-6-2012. Hiện nay con chung đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 28-7-2021, bị đơn anh Trần Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn P có lời khai phù hợp với lời khai của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh P xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, không còn tình cảm với nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh P nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh P công nhận vợ chồng có một con chung đang ở cùng chị T như chị trình bày ở trên. Tuy nhiên, anh P không có ý kiến đề nghị gì về phần conchung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại P tòa, chị T và anh P đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không thay đổi bổ sung gì so với phần trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu quan điểm về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại P toà xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T và anh P đều có đơn xin xử vắng mặt nên

Hội đồng xét xử vắng mặt chị T, anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử ly hôn giữa chịNguyễn Thị T và anh Trần Văn P. Về con chung: Giao cháu Trần Thị P, sinh ngày 18-6-2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung trong hoàn cảnh hiện nay của anh P là phù hợp. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản do chị T và anh Pkhông yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại P tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P vắng mặt tại P tòa đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Plà quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 11-11-2011. Quá trình chung sống, vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường có những bất đồng trong cuộc sống. Mặt khác, trong thời gian chị T mới sinh con, anh P không giành tình cảm quan tâm đến vợ con cũng là một trong những nguyên nhân vợ chồng xích mích, bất hòa. Vì thế mà chị Tđã đưa con về nhà ngoại sống từ 7/2013, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Văn P,qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, anh P lại không giành thời gian quan tâm đến vợ con nên dẫn đến việc chị T phải đưa con về quê ngoại sống. Trong thời gian sống ly thân, hai người không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vẫn không có tiếng nói chung. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh Pđể giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:*Vợ chồng có một con chung là Trần Thị P, sinh ngày 18-6-2012, hiện con đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T đề nghị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của hai bên hiện nay vànguyện vọng của con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị T trực tiếp nuôi con chung ở quê ngoại tại Hà Nội. Nay cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ.Mặc dù anh P không có ý kiền đề nghị gì về việc nuôi con chung nhưng hiện tại anh đang phải chấp hành hình phạt tù, không thể trực tiếp chăm nuôi con chung được. Do đó, xét cần giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Về trách nhiệm cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T theo quy định pháp luật. Anh P được quyền thăm con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]*Về tài sản và nghĩa vụ tài sản*:Chị T, anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị P, sinh ngày 18-6-2012 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng trực tiếp, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí:Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 củaUỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002714 ngày 22-7-2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị Tđã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Thịnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng